

**DANH MỤC THÔNG TIN THỐNG KÊ TỪ**  
**ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ 1/4/2014**

**(Chuyên khảo Tuổi, Giới tính)**

<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Phân tổ</b>	<b>Độ dài thời gian</b>
Biểu 2.1. Chỉ số Myer's tổng hợp và số ưa thích trong khai báo tuổi của các cuộc Tổng điều tra dân số ở Việt Nam, 1989- 2014		1979, 1989, 1999, 2009, 2014
Biểu 2.2. Cấu trúc tuổi - giới tính của dân số hiệu chỉnh theo phương pháp dựa vào cơ cấu tuổi trong TĐTDS 2009, mức độ sinh và mức độ chết điều tra được trong 5 năm 2009-2014. Việt Nam, 2014	Nhóm tuổi; Giới tính	2014
Biểu 2.3. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi và tỷ số phụ thuộc , Việt Nam 1989- 2014	Nhóm tuổi; Tỷ số phụ thuộc	1989, 1999, 2009, 2014
Biểu 3.1. Cấu trúc tuổi - giới tính của dân số, Việt Nam, 2014	Nhóm tuổi; Giới tính	2014
Biểu 3.2. Tỷ trọng dân số theo nhóm tuổi và thành thị, nông thôn, Việt Nam, 2014	Nhóm tuổi; Giới tính; Thành thị/Nông thôn	2014
Biểu 3.3. Tỷ trọng dân số các vùng kinh tế - xã hội chia theo 3 nhóm tuổi lớn và giới tính, Việt Nam, 2014	Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Giới tính	2014
Biểu 3.4. Tỷ trọng dân số chia theo 3 nhóm tuổi lớn và giới tính của những dân tộc có số lượng trên 1 triệu dân, Việt Nam, 2014 (%)	Dân tộc; Nhóm tuổi; Giới tính	2014
Biểu 3.5. Tỷ số giới tính theo độ tuổi, Việt Nam, 1979-2014	Nhóm tuổi	1979, 1989, 1999, 2009, 2014
Biểu 3.6. Tỷ trọng dân số theo nhóm tuổi và tỷ số phụ thuộc, Việt Nam, 1979-2014	Vùng KT-XH	1979, 1989, 1999, 2009, 2014
Biểu 3.8. Tỷ số phụ thuộc chia theo dân tộc, Việt Nam, 2014	Dân tộc	2014
Biểu 3.9. Tỷ số phụ thuộc, Việt Nam, 2019-2044	Tỷ số phụ thuộc	2014
Biểu 4.1. Tỷ lệ không biết chữ của trẻ em và thanh niên, Việt Nam, 2014 (%)	Giới tính; Thành thị/Nông thôn; Điều kiện sống	2014

<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Phân tổ</b>	<b>Độ dài thời gian</b>
Biểu 4.2. Tỷ lệ đi học và tốt nghiệp các bậc học, Việt Nam, 2014 (%)	Giới tính; Thành thị/Nông thôn; Điều kiện sống; Tỷ lệ tốt nghiệp	2014
<b>Biểu 4.3. Hồi quy Logistic về xác suất đi học</b>		
<b>Biểu 4.4. Hồi quy Logistic về xác suất tốt nghiệp TH PT và cao đẳng, đại học</b>		
Biểu 4.5. Tỷ lệ kết hôn sớm và ly hôn, Việt Nam, 2014 (%)	Giới tính; Thành thị/Nông thôn; Điều kiện sống	2014
<b>Biểu 4.6. Hồi quy Logistic về xác suất kết hôn sớm và ly hôn</b>		
<b>Biểu 4.7. Hồi quy Logistic về xác suất kết hôn sớm và ly hôn</b>		
<b>Biểu 4.8. Hồi quy Logistic về xác suất sống một mình ở người cao tuổi</b>		
Biểu P.1. Chênh lệch về tỷ trọng dân số 3 nhóm tuổi lớn và các chỉ số phụ thuộc giữa dân số toàn bộ và dân số mẫu suy rộng, VN 1989-2009	Nhóm tuổi	1989, 1999, 2009
Biểu P.2. Chênh lệch về số lượng tuyệt đối giữa số liệu toàn bộ và số liệu suy rộng mẫu của các cuộc Tổng điều tra dân số theo nhóm tuổi, Việt Nam, 1989-2009	Nhóm tuổi; Giới tính	1989, 1999, 2009
Biểu P.3. Dân số chia theo nhóm tuổi của TĐTDS 2009 và Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ 2014	Nhóm tuổi; Giới tính	2009, 2014
Biểu P.4. Tỷ trọng dân số 1/4/2014 theo nhóm tuổi trước và sau hiệu chỉnh	Nhóm tuổi; Giới tính	2014
Biểu P.5. Tỷ trọng dân số 1/4/2014 theo nhóm tuổi trước và sau hiệu chỉnh	Nhóm tuổi; Giới tính	2014
Biểu P.6. Chênh lệch giữa số dự báo và số suy rộng mẫu và tỷ trọng dân số theo nhóm tuổi, Việt Nam, 2014	Nhóm tuổi; Giới tính	2014
Biểu P.7. Cấu trúc tuổi - giới tính của dân số hiệu chỉnh theo phương pháp kết hợp, Việt Nam, 2014	Nhóm tuổi; Giới tính	2014
Biểu P.8. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi và tỷ số phụ thuộc, Việt Nam 1989-2014	Tỷ số phụ thuộc	1989, 1999, 2009, 2014

<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Phân tổ</b>	<b>Độ dài thời gian</b>
Biểu P.9. Dân số suy rộng ở các độ tuổi của tỉnh và thành phố, 2014	Đơn vị hành chính; Nhóm tuổi phụ thuộc	2014
Biểu P.10. Tỷ lệ hộ gia đình toàn người phụ thuộc của tỉnh và thành phố, 2014	Đơn vị hành chính; Giới tính; Thành thị/Nông thôn	2014
Biểu P.11. Quy mô hộ gia đình theo tỉnh và thành phố, 2014	Đơn vị hành chính; Thành thị/Nông thôn	